

BÀI 4: NHỮNG TRẢI NGHIỆM TRONG ĐỜI (13 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết;
Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại; người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB gợi ra.
- Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ; biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.
- Nhân ái, khoan dung với người khác; biết trân trọng những giá trị của cuộc sống.

II. PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV có thể kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học sau:

- Sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn về thể loại đồng thoại, kiểu bài kể lại trải nghiệm, thế nào là mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ, kết hợp với nêu ví dụ để HS hiểu rõ tri thức.
- Sử dụng phương pháp dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, chia sẻ ý kiến; tổ chức cho HS thực hành vận dụng kiến thức và kỹ năng.
- Ngoài ra GV có thể kết hợp thêm một số phương pháp khác như trực quan, trò chơi và một số kỹ thuật dạy học như sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, phòng tranh,... khi tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe và tri thức tiếng Việt.

2. Phương tiện dạy học

- SGK, SGV.
- Một số tranh ảnh liên quan đến bài học.
- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim về *Đế Mèn phiêu lưu kí* (nếu có thể).
- Giấy A1 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập: GV có thể chuyển một số câu hỏi (*Chuẩn bị đọc, Suy ngẫm và phân hỏi*) trong SGK thành phiếu học tập.

- Sơ đồ, biểu bảng.
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm đoạn văn, bài trình bày của HS.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

GV có thể nêu câu hỏi mà SGK đã nêu hoặc dùng hình ảnh, câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về một kỉ niệm đẹp, một sai lầm mà HS có thể đã gặp phải,... và những câu chuyện có nhân vật chính là loài vật kết hợp với việc dùng tranh ảnh hoặc một đoạn video clip ngắn liên quan đến chủ điểm bài học. Sau đó, GV nêu câu hỏi lớn của bài học cho HS suy ngẫm.

TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

1. Tri thức đọc hiểu

Trong bài học này, tri thức đọc hiểu nên được dạy ở giờ học của VB *Bài học đường đời đầu tiên*, trước khi HS đi vào tìm hiểu VB. Tri thức đọc hiểu ở bài học này là tri thức về thể loại truyện đồng thoại. GV có thể sử dụng phương pháp thuyết trình để giải thích ngắn gọn với HS về thể loại và yêu cầu HS đọc nội dung này trong SGK, xác định một số từ khoá mô tả đặc điểm của thể loại. Ngoài ra, GV cũng nên kết hợp với việc nêu ví dụ cụ thể về một số truyện đồng thoại.

2. Tri thức tiếng Việt

Nội dung tri thức mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ chỉ nên được dạy thật ngắn gọn với mục đích cung cấp kiến thức công cụ để HS thực hành sử dụng các kĩ năng ấy vào việc đọc và viết. Để dạy mục này, GV có thể sử dụng một số phương pháp như thuyết trình, trực quan (sơ đồ, mô hình, bảng biểu,...) và dạy theo cách quy nạp (nêu ví dụ → phân tích → hình thành khái niệm). Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS rút ra được những đơn vị kiến thức cơ bản sau: (1) các thành phần chính của câu và cấu tạo thông thường của những thành phần ấy; (2) các cách mở rộng thành phần chính cho câu (mở rộng chủ ngữ và vị ngữ của câu bằng cách thêm vào các thành phần định ngữ và bổ ngữ); (3) tác dụng của việc mở rộng thành phần chính cho câu.

GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung này kết hợp với phần *Thực hành tiếng Việt* sau khi học đọc VB 1, 2 và 3 để tạo thuận lợi cho việc tổ chức dạy học.

TÌM HIỂU KĨ NĂNG ĐỌC

1. Kĩ năng đọc theo thể loại

Mục tiêu dạy đọc của bài này là giúp HS hiểu được thể nào là thể loại truyện đồng thoại, khác với các thể loại truyện cổ tích đã học trong bài 2.

Sau phần đọc các VB 1 và 2, GV có thể cho HS thảo luận nhóm và điền vào bảng sau để nhận biết đặc điểm truyện đồng thoại:

Đặc điểm truyện cổ tích và truyện đồng thoại

Đặc điểm	Truyện cổ tích	Truyện đồng thoại
Nội dung phản ánh		
Nhân vật		
Cốt truyện		

Sau khi HS làm xong bảng trên, GV hướng dẫn HS nhận ra những điểm giống và khác nhau giữa hai thể loại.

2. Kỹ năng suy luận

Trong bài học này, phần kỹ năng đọc cần rèn luyện ở giai đoạn *Trải nghiệm cùng văn bản*, GV nên hướng dẫn HS tập trung luyện tập kỹ năng suy luận. Cách dạy:

- Giải thích ngắn gọn về kỹ năng suy luận.
- Chọn đọc một đoạn trong VB, làm mẫu kỹ năng suy luận bằng cách nói to suy nghĩ (kỹ thuật think-aloud) của GV khi dùng kỹ năng này để HS có thể quan sát được cách thực hiện kỹ năng. Ví dụ, trong đoạn dưới đây, khi đọc đến câu cuối đoạn, GV tạm ngừng và nói: Đoạn này thể hiện tính cách gì của nhân vật nhỉ? Sự tự hào về ngoại hình của bản thân, và có lẽ có cả sự khoe khoang.

Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thình thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hùn hoẳn³, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phanh phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tôi lấy làm hạnh diện với bà con về cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu. ❶

Suy luận

1. Những chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật "tôi" trong đoạn này là lời của ai? Điều này giúp em biết được điều gì về tính cách nhân vật?

- Mời HS đọc một đoạn khác và thực hiện theo cách mà GV đã làm 1 hoặc 2 lần. GV tập trung nhận xét cách HS thực hiện kỹ năng hơn là câu trả lời của HS.

Có thể tổ chức cho HS trao đổi theo cặp kết quả đọc của các em sau khi quá trình đọc trực tiếp kết thúc, trước khi bắt đầu tìm hiểu về nhóm câu hỏi suy ngẫm và phản hồi.

– Sau đó, GV hướng dẫn HS chốt lại cách thực hiện kỹ năng. Để tạo ra một suy luận trong quá trình đọc, người đọc cần kết hợp thực hiện các thao tác sau: (1) tìm từ ngữ/ thông tin được thể hiện trên VB, (2) liên hệ với những trải nghiệm/ hiểu biết của bản thân liên quan đến những từ ngữ/ thông tin mà VB cung cấp, (3) suy luận về những nội dung hàm ẩn của VB.

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

VĂN BẢN 1: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.	1, 2, 3, 4, 6
Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.	4
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	5, 7

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi/ nhóm nhỏ/ cá nhân để suy nghĩ, trao đổi nhanh với nhau về 2 câu hỏi *Chuẩn bị đọc* bằng kỹ thuật *trình bày 1 phút*. Với câu hỏi 2, GV nên lưu ý hướng dẫn HS thực hiện kỹ năng đọc lướt (chú ý vào nhan đề, các hình ảnh minh họa, đọc lướt nhanh đoạn đầu và đoạn cuối của VB,...) để đưa ra dự đoán về nội dung của VB.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Đối với những bài học đọc là những đoạn trích, GV có thể cho HS tự đọc ở nhà hoặc đọc nhanh tại lớp những nội dung giới thiệu về VB gốc và đoạn trích.

Tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB, kết hợp với việc GV đọc mẫu một vài đoạn.

Khi gặp những kí hiệu như ● GV nên cho HS tạm dừng 1 đến 2 phút để suy ngẫm, trả lời câu hỏi, qua đó, HS thực hành kĩ năng đọc. Hoặc GV có thể cho HS ghi lại câu trả lời ngắn gọn của các em trên phiếu học tập (GV có thể chuyển các câu hỏi trong khi đọc này thành phiếu học tập dùng kết hợp với việc đọc trực tiếp VB) hoặc giấy nháp.

Kiểm tra kĩ năng đọc VB của HS bằng một số cách như: yêu cầu HS trả lời (một số câu hỏi hoặc chia sẻ cảm xúc, ấn tượng chung về VB,...

Góp ý cho cách đọc của HS: mức độ đọc trôi chảy, độ to, rõ; khả năng diễn cảm của giọng đọc (sự phù hợp của tốc độ đọc, phân biệt giọng của các nhân vật, mức độ biểu cảm trong khi đọc, cách ngắt nghỉ khi đọc,...).

2.3. Suy ngẫm và phân hỏi

Dựa vào hệ thống câu hỏi, GV hướng dẫn HS nhận biết được đặc điểm của truyện đồng thoại thể hiện qua nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật; người kể chuyện ngôi thứ nhất và tiếp tục phát triển các kĩ năng đọc truyện đã được hình thành ở các bài học trước. Với hệ thống câu hỏi trên, GV có thể sử dụng linh hoạt theo cách đã hướng dẫn ở những bài học trước tùy theo điều kiện thực tế và trình độ nhận thức, khả năng tương tác của HS.

Các câu hỏi trong SGK có thể được triển khai theo những gợi ý:

Câu hỏi 1 và 2: GV chủ yếu hướng dẫn HS sử dụng các thao tác tư duy ở mức độ nhận biết để trả lời câu hỏi. Cụ thể:

Câu hỏi 1: GV có thể hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn đầu và cuối của VB, tìm những từ khoá cho câu trả lời. Ở đoạn đầu là những từ “ân hận mãi”; “thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc đại đột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được”; “hồi ấy”. Ở đoạn cuối là những chi tiết: “ngẫm ra...”; “hồi ấy, tôi có tính tự đắc”;...

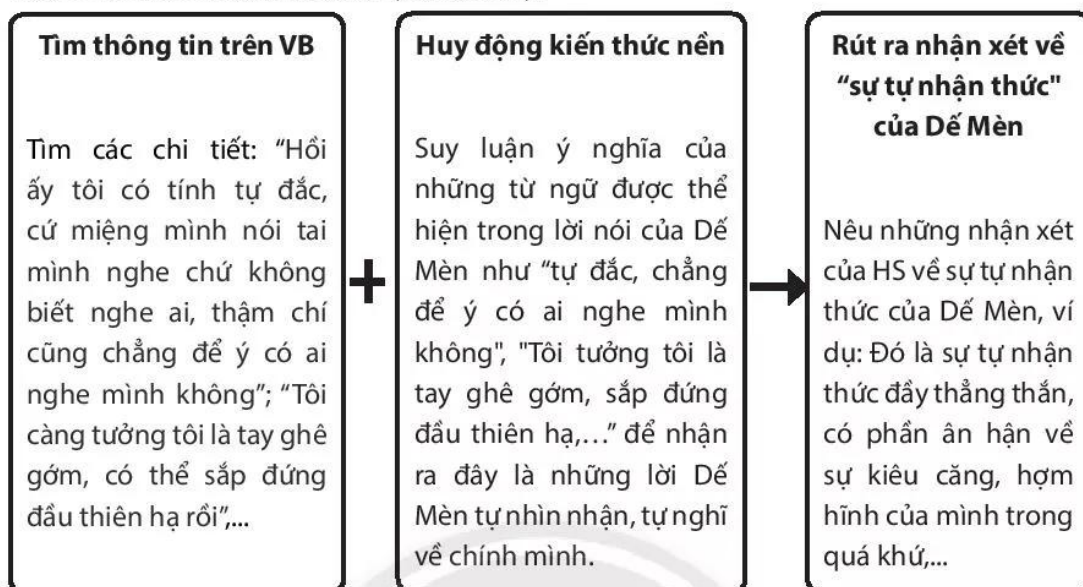
Câu hỏi 2: hướng dẫn HS kẻ bảng vào vở và điền một số câu thể hiện lời kể của Dế Mèn (lời kể xưng “tôi”) và lời đối thoại của Dế Mèn với nhân vật khác. Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV có thể giúp HS cách nhận diện, phân biệt lời của người kể chuyện và lời của nhân vật.

GV có thể tổ chức cho HS trả lời cá nhân hoặc cặp đôi/ nhóm. Trong một số trường hợp GV có thể chuyển nhóm câu hỏi nhận biết thành hoạt động học tại nhà để HS có cơ hội tiếp xúc trước với VB thông qua “vòng đọc tại nhà” trước khi đến lớp.

Câu hỏi 3, 4 và 5: GV hướng dẫn HS sử dụng các thao tác tư duy ở mức độ phân tích, tổng hợp, suy luận để trả lời câu hỏi. Cụ thể:

Câu hỏi 3: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS nhận biết được đặc điểm của nhân vật trong truyện đồng thoại và cách thức đọc hiểu nhân vật thông qua việc tìm hiểu nhân vật Dế Mèn. Trước tiên, GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi; sau đó giúp HS củng cố hiểu biết về nhân vật, trong truyện đồng thoại cũng như rút ra cách thức đọc hiểu nhân vật. Để

trả lời câu hỏi này, HS phải thực hiện thao tác suy luận về những nét tính cách của nhân vật Đế Mèn theo tiến trình sau (xem sơ đồ):



GV nên lưu ý kết nối câu hỏi này với các câu hỏi thuộc phần *Trải nghiệm cùng văn bản* và câu hỏi 2, vì các câu hỏi này thường cung cấp thông tin để HS trả lời một số câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*. Ví dụ: câu hỏi 3, có sự kết nối với các câu hỏi *Trải nghiệm cùng văn bản* (cụ thể là câu hỏi 1, 2, 3, 5) và câu hỏi 2. Việc kết nối các thông tin với nhau giúp HS có cái nhìn hoàn chỉnh về nhân vật Đế Mèn.

Câu hỏi 4: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS nhận biết tác dụng của việc lựa chọn ngôi thứ nhất để kể chuyện. Để hướng dẫn HS trả lời, GV gợi nhắc lại tri thức đọc hiểu về người kể chuyện và có thể gợi mở cho HS bằng câu hỏi: Nếu bài học của Đế Mèn do người khác kể lại (người kể chuyện ngôi thứ ba) thì có gì khác so với việc do chính nhân vật kể lại?

Câu hỏi 5: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS thể hiện sự đánh giá của bản thân đối với một sự kiện quan trọng trong VB. Để trả lời câu hỏi này, HS cần thực hiện thao tác xâu chuỗi, kết nối các thông tin trong VB với nhau và liên hệ với kinh nghiệm, kiến thức nền của bản thân. Với câu hỏi này, GV có thể tổ chức cho HS đóng vai nhân vật Đế Mèn, đóng vai tác giả Tô Hoài, các HS khác nêu câu hỏi.

Câu hỏi 6: Mục đích của câu hỏi là hướng dẫn HS tổng hợp các dấu hiệu để nhận diện thể loại của VB *Bài học đường đời đầu tiên*. HS sẽ dựa trên tri thức đọc hiểu kết hợp với việc lí giải về sự thể hiện của các đặc điểm ấy trong VB, từ đó rút ra kết luận về thể loại VB.

Câu hỏi 7: Đối với câu hỏi này, GV hướng dẫn HS thể hiện những đánh giá, vận dụng về những gì đã đọc. Câu trả lời có thể mở nhưng HS cần đưa ra được lập luận hợp lí, phù hợp với nội dung của VB.

Sau khi hướng dẫn HS khám phá VB, ở hoạt động luyện tập, vận dụng, GV có thể tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm hoặc đóng vai một số đoạn trong VB để tạo cơ hội cho HS được thể hiện kết quả đọc hiểu của mình và thâm nhập sâu hơn vào VB.

VĂN BẢN 2: GIỌT SƯƠNG ĐÊM

1. Mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi*

Mối quan hệ giữa mục tiêu dạy học và hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* của bài học này được thể hiện qua ma trận sau:

Mục tiêu dạy học	Hệ thống câu hỏi <i>Suy ngẫm và phản hồi</i>
Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn	4
Nhận biết được một số yếu tố của truyện đồng thoại như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.	2, 3, 4, 5, 7
Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.	1
Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.	6

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

Hoạt động này có thể được thiết kế thành nhiệm vụ chuẩn bị ở nhà trước khi đến lớp. Nếu dạy học ở lớp, GV có thể dùng phương pháp đàm thoại gợi mở để tổ chức cho HS trao đổi nhanh với nhau về 2 câu hỏi trong phần *Chuẩn bị đọc*.

Ngoài ra, GV có thể sử dụng thêm phương pháp trò chơi hoặc kỹ thuật KWL, động não,... để kích hoạt hiểu biết nền của HS về đặc điểm truyện đồng thoại và một số lưu ý khi đọc truyện (đã tìm hiểu ở bài học trước).

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

GV tổ chức cho HS đọc trực tiếp VB hoặc GV có thể đọc cùng HS.

Đến bài học này, GV không cần yêu cầu HS chia sẻ suy nghĩ của mình về tất cả câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB* mà có thể yêu cầu HS tự trả lời bằng cách viết ra giấy hoặc ghi nhớ trong đầu. Sau khi HS hoàn thành việc đọc trực tiếp, GV có thể mời một vài HS chia sẻ câu trả lời về một số câu hỏi đó để vừa kiểm tra nhanh kết quả đọc trực tiếp của HS, vừa kiểm tra kết quả sử dụng kỹ năng suy luận của HS.

Sau đó, GV đánh giá về kết quả đọc của HS ở giai đoạn này.

3.3. Suy ngẫm và phản hồi

Trọng tâm của nhóm câu hỏi này là: (1) hướng dẫn HS tóm tắt VB; (2) hướng dẫn HS nhận biết được đặc điểm của truyện đồng thoại như cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ nhất. Ngoài ra, GV vẫn tiếp tục hình thành các kĩ năng đọc cho HS.

GV có thể sử dụng một số phương pháp, kĩ thuật dạy học sau:

– Đàm thoại gợi mở dựa trên hệ thống câu hỏi suy ngẫm và phản hồi trong SGK. GV có thể chuyển những câu hỏi này thành phiếu học tập để hỗ trợ HS ghi chép trong giờ học.

– Dạy học hợp tác (nhóm): tổ chức cho HS thảo luận, trao đổi và trình bày, nhận xét về câu trả lời của bạn/nhóm bạn.

– Kĩ thuật KWL, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, phòng tranh: kết hợp với dạy học hợp tác để hướng dẫn HS kích hoạt nền (kĩ năng đọc thể loại truyện đồng thoại) và thực hiện các hoạt động khám phá, luyện tập, vận dụng về VB.

Câu hỏi 1 và 2: GV có thể tổ chức cho HS trả lời cá nhân hai câu hỏi này. Riêng đối với câu hỏi 1 hướng dẫn HS nhận diện người kể chuyện theo ngôi thứ ba, cùng với hình ảnh người kể chuyện theo ngôi thứ nhất ở *Bài học đường đời đầu tiên* thì kết quả trả lời của câu hỏi này giúp HS hoàn thiện việc củng cố tri thức về người kể chuyện.

Câu hỏi 3: hướng đến việc giúp HS nhận diện cốt truyện, một khái niệm mới với HS nên GV có thể tổ chức cho HS thảo luận để tìm câu trả lời. GV nên nhắc HS chú ý: cách thức nhận diện sự việc trong VB tự sự (cụ thể ở đây là truyện đồng thoại) sau khi sắp xếp hoàn chỉnh các sự kiện của *Giọt sương đêm* theo trình tự thời gian. Sau khi HS tóm tắt được các sự việc của truyện, GV tổ chức cho HS xác định sự việc quan trọng nhất của truyện. Đây là câu hỏi mở, tuy nhiên vai trò quan trọng của sự việc được xác định trong mối quan hệ với chính thể của cốt truyện. Thông thường đó sẽ là những sự việc khiến nhân vật thay đổi suy nghĩ, cách nhìn và đưa ra những hành động có tính chất quyết định, ảnh hưởng đến kết thúc của truyện. Đồng thời những sự việc ấy cũng góp phần thể hiện chủ đề của VB. Vì vậy, khi trả lời nội dung này của câu hỏi, HS không chỉ lựa chọn được sự việc quan trọng mà còn phải đánh giá được tính chất quan trọng của sự kiện trong cái nhìn liên hệ với các sự kiện khác của cốt truyện, với toàn bộ diễn biến cũng như kết thúc của truyện.

Câu hỏi 4: GV giúp HS củng cố đặc điểm quan trọng của truyện đồng thoại. Trong truyện đồng thoại, nhân vật là các loài vật và được nhân hoá trên cơ sở bảo đảm phản ánh các đặc điểm sinh hoạt của loài vật, đồng thời không xa rời cách nhìn sự vật của trẻ em.

Câu hỏi 5 và 6: Hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung VB. Để trả lời câu hỏi 6 và 7, HS buộc phải thực hiện kĩ năng suy luận dựa trên việc kết nối các thông tin của VB với nhau và với kiến thức nền của bản thân. Dựa trên đặc điểm đó, GV có thể thiết kế thêm câu hỏi gợi ý để hướng dẫn người học thực hiện. Với câu hỏi liên quan đến thông điệp của VB,

GV có thể chấp nhận những câu trả lời khác nhau, miễn sao lập luận của các em logic, thuyết phục.

Câu hỏi 7: Mục đích nhằm hướng dẫn HS đánh giá cách kết thúc của câu chuyện. Đề HS có thể đánh giá kết thúc ấy trong tương quan với chính thể của câu chuyện, GV nên nêu thêm câu hỏi gợi ý (ví dụ: Nếu truyện không kết thúc như vậy thì ảnh hưởng như thế nào đến thông điệp của truyện?,...). Đồng thời, câu hỏi này cũng tạo cho HS cơ hội thể hiện sự sáng tạo bằng cách viết một kết thúc khác cho truyện. Kết thúc này sẽ được đánh giá dựa trên mức độ phù hợp giữa kết thúc ấy với các sự kiện đã diễn ra trước đó của truyện, mức độ thống nhất giữa hành động của nhân vật với tính cách của nhân vật.

Vì đây là bài học đọc hiểu thứ 2 về truyện đồng thoại, nên sau bài học này, GV có thể sử dụng một số phương pháp và kỹ thuật dạy học như đàm thoại gợi mở, công não, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn,... để tổ chức hoạt động cho HS rút ra những kinh nghiệm về việc đọc hiểu VB theo thể loại, từ đó ý thức rõ hơn về việc hình thành kỹ năng đọc thông qua việc tìm hiểu một VB cụ thể, tiêu biểu cho thể loại ấy. Cụ thể ở bài học này, GV nên chú ý hướng dẫn HS rút ra một số lưu ý sau:

- Chú ý đến đặc điểm của thể loại truyện đồng thoại: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật.
- Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB gợi ra.

ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: VỪA NHẮM MẮT VỪA MỞ CỬA SỔ

1. Yêu cầu cần đạt

- Vận dụng kỹ năng đọc để nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ trong VB.
- Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân do VB đã đọc gợi ra.
- Liên hệ, kết nối với VB *Bài học đường đời đầu tiên*, *Giọt sương đêm* để hiểu hơn về chủ điểm *Những trải nghiệm trong đời*.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động học

2.1. Chuẩn bị đọc

GV có thể cho HS đọc nhan đề VB và dựa vào chủ điểm của bài học để trả lời câu hỏi dự đoán sau về nội dung VB: Dựa vào nhan đề và hình ảnh minh họa của VB, em đoán xem VB này sẽ đưa em đến với trải nghiệm nào của nhân vật?

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

Tổ chức hoặc hướng dẫn cho HS đọc trực tiếp VB.

2.2. Suy ngẫm và phản hồi

Tiếp tục rèn luyện các kĩ năng đọc.

Hệ thống câu hỏi *Suy ngẫm và phản hồi* ở bài đọc này chủ yếu hướng dẫn HS đọc hiểu nội dung của VB và không được phân chia theo các mức độ nhận thức. Đối với nhóm câu hỏi này, GV có thể dùng phương pháp đàm thoại gợi mở hoặc dạy học hợp tác để tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận về các câu hỏi. Mục đích của những câu hỏi này là hướng dẫn HS tìm hiểu về nhân vật (câu hỏi 1 và 2), thông điệp của VB (câu hỏi 3), thể hiện sự đánh giá đối với các nhân vật trong truyện (câu hỏi 4 và 5). Thông qua đó, HS tự tạo ra được sự liên hệ giữa cá nhân với VB bằng cách rút ra bài học và ý nghĩa từ VB cho bản thân.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Mục tiêu dạy học

- Nhận biết được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.
- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ.

2. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

GV xem lại cách hướng dẫn ở phần hướng dẫn tìm hiểu kiến thức Ngữ văn.

Nếu đã hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung tri thức ở phần *Tri thức Ngữ văn* thì đến đây, GV có thể tổ chức hoạt động để gợi nhắc cho HS bằng kĩ thuật KWL, tia chớp, động não,...

3. Thực hành tiếng Việt

GV có thể tổ chức cho HS giải quyết các câu hỏi, bài tập theo hình thức cá nhân hoặc nhóm/ cặp đôi. Mục đích là giúp HS củng cố, vận dụng lí thuyết ở phần *Tri thức tiếng Việt* vào việc nhận biết, phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả của việc mở rộng thành phần chính của câu trong các VB đọc hiểu trước đó, cụ thể như sau:

Bài tập 1: Hướng dẫn HS xác định chủ ngữ của từng cặp câu, so sánh để nhận ra sự khác biệt về thông tin chủ ngữ ở từng cặp câu:

Khi sử dụng cụm danh từ “Những cái vuốt ở chân, ở khoeo” làm thành phần chủ ngữ của câu thì thông tin về chủ ngữ của câu trở nên rõ ràng, cụ thể hơn khi chỉ dùng danh từ “vuốt” làm chủ ngữ.

Trên cơ sở đó, HS chỉ ra được tác dụng của việc dùng cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu, cụ thể là bổ sung thông tin chi tiết, cụ thể cho chủ thể được nói đến trong câu.

Bài tập 2: Hướng dẫn HS xác định vị ngữ của từng cặp câu, cho biết cấu tạo vị ngữ của từng câu (cụm động từ hay cụm tính từ) và so sánh để nhận ra sự khác biệt về thông tin vị ngữ ở từng cặp câu:

a. So với thành phần vị ngữ trong câu 1 (“bò lên”), thành phần vị ngữ trong câu 2 “mới mon men bò lên” (cụm động từ) đã bổ sung thêm những thành phần miêu tả cách thức thực hiện hành động, làm cho thông tin miêu tả trở nên chi tiết hơn.

b. So với thành phần vị ngữ trong câu 1 (“khóc”), thành phần vị ngữ trong câu 2 “khóc thảm thiết” (cụm động từ) đã bổ sung thêm thông tin về cách thức thực hiện hành động của nhân vật vì thế làm cho hành động của nhân vật trở nên rõ ràng hơn.

c. So với thành phần vị ngữ trong câu 1 (“nóng”), thành phần vị ngữ trong câu 2 “nóng hầm hập” (cụm tính từ) đã bổ sung thêm thông tin về mức độ của cái “nóng” vì thế làm cho thông tin miêu tả của câu trở nên chi tiết và thể hiện được cả cảm giác mệt mỏi, khó chịu của người miêu tả trước sự khắc nghiệt của thời tiết.

Trên cơ sở đó, HS chỉ ra được tác dụng của việc dùng cụm động từ, cụm tính từ làm thành phần vị ngữ của câu, cụ thể là bổ sung thông tin chi tiết, cụ thể cho việc miêu tả hành động, tính chất của chủ thể được nói đến trong câu.

Bài tập 3: Lưu ý HS về tác dụng của việc sử dụng kiểu câu có vị ngữ được cấu tạo từ một chuỗi các cụm động từ, cụm tính từ khi miêu tả, đặc biệt là miêu tả hành động, suy nghĩ, ngôn ngữ của các nhân vật. Tác dụng của cách diễn đạt ấy là làm cho người đọc có thêm thông tin chi tiết, cụ thể về các đối tượng được miêu tả nên việc hình dung về các đối tượng ấy trở nên dễ dàng hơn. Điều đó khiến cho truyện trở nên sinh động, hấp dẫn, cụ thể hơn.

Bài tập 4: Hướng dẫn HS vận dụng các kiến thức về mở rộng thành phần chính cho câu để mở rộng chủ ngữ, vị ngữ hoặc cả hai thành phần chính trong các câu ấy. Từ đó, HS thực hiện việc so sánh giữa câu mở rộng và câu trước khi mở rộng để nhận ra câu mở rộng thường có nghĩa cụ thể, chi tiết hơn.

Bài tập 5:

a. Mục đích của bài tập là củng cố kiến thức về từ ghép, từ láy đã được học trước đó; trong đó chú ý hướng dẫn HS nhận ra việc sử dụng các từ láy trong đoạn văn (ví dụ: “phanh phách”, “hùn hỏn”, “phành phạch”, “giòn giã”, “rung rinh”) làm cho việc miêu tả nhân vật “tôi” trở nên sinh động, cụ thể, đồng thời thể hiện được niềm kiêu hãnh của nhân vật khi miêu tả chính mình.

b. Phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn là: “Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có *nhát dao vừa lia qua*”. Tác dụng của phép so sánh trên: làm cho việc miêu tả trở nên sinh động, cụ thể và hấp dẫn hơn, giúp người đọc hình dung rõ hơn về “sự lợi hại của những chiếc vuốt” ở nhân vật Dế Mèn, qua đó góp phần thể hiện niềm tự hào, kiêu hãnh của nhân vật về chính mình.

Bài tập 6: Hướng dẫn HS cách tìm nghĩa của từ “tợn” trong từ điển và xác định nghĩa nào được sử dụng trong câu a dựa trên mối quan hệ về nghĩa giữa từ ấy với những từ ngữ xung quanh và nghĩa của cả câu. Từ “tợn” trong câu a được dùng với nghĩa *bạo đến mức liều lĩnh, không biết sợ hãi là gì*.

VIẾT NGẮN

Đây là bài tập yêu cầu HS sáng tạo, tích hợp vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc học đọc với việc học tiếng Việt. Vì thế nội dung dạy học này nên được chuyển thành nhiệm vụ học tập tại nhà cho HS và có thể được GV tổ chức kiểm tra, đánh giá ở tiết học Viết hoặc tiết Ôn tập. Nếu tiết tiếng Việt còn thời gian, GV có thể tổ chức cho HS thực hành tại lớp và nhận xét, đánh giá một số bài viết tiêu biểu.

Trên lớp, GV tổ chức cho HS chia sẻ bài viết trong nhóm, bình bầu sản phẩm nào hay nhất dựa trên các tiêu chí: (1) đóng vai Đế Mèn để viết; (2) nội dung bài học phù hợp với nội dung VB *Bài học đường đời đầu tiên*; (3) sử dụng được ít nhất hai câu mở rộng thành phần chính bằng cụm từ; (4) khoảng từ 150 đến 200 chữ. Hoạt động này được thực hiện trong khoảng nửa tiết học. Sản phẩm của tất cả HS trong lớp được dán lên bảng phụ cho các bạn cùng xem (kĩ thuật phòng tranh) hoặc góc bảng tin học tập của lớp.

ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: CÔ GIÓ MÁT TÊN

1. Mục tiêu dạy học

- Nhận biết được chủ đề của VB.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.
- Tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.

2. Thực hành đọc

Chức năng của hoạt động này là giúp HS vận dụng, củng cố kĩ năng đọc hiểu truyện đồng thoại. Vì thế, GV có thể cho HS đọc ở nhà, hoàn thành phần bài tập/ câu hỏi hướng dẫn đọc do SGK đề nghị. Khi đến lớp, GV tổ chức cho HS trao đổi, trình bày kết quả đọc với các bạn khác trong nhóm/ lớp. Thông qua kết quả đọc của HS, GV giúp HS ôn lại những đặc điểm của truyện đồng thoại. Hoạt động hướng dẫn đọc mở rộng có thể được thực hiện vào cuối bài học, kết hợp với hoạt động ôn tập.

VIẾT

1. Mục tiêu dạy học

- Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.
- Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

2. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản

Đây là kiểu bài kết nối với VB *Bài học đường đời đầu tiên* về một số đặc điểm như: kiểu loại văn tự sự, kể lại những gì nhân vật “tôi” đã trải nghiệm trong quá khứ, thể hiện cảm xúc về những gì đã trải qua, rút ra bài học. Vì thế, có hai cách mà GV có thể sử dụng để dạy tri thức nên:

– Cách 1: GV nêu câu hỏi khơi gợi kiến thức nền của HS về cách kể chuyện của Tô Hoài. Ví dụ: Câu chuyện của Dế Mèn được kể từ ngôi thứ nhất hay ngôi thứ ba? Việc kể như vậy có tác dụng gì? Tiếp theo, GV giảng giải ngắn về kiểu bài, đặc điểm kiểu bài.

– Cách 2: GV trình bày các đặc điểm của kiểu bài trên bảng phụ (xem bảng sau), sau đó, cho HS nhớ lại những gì đã đọc *Bài học đường đời đầu tiên* và điền vào bảng. Từ đó, GV dẫn dắt vào bài dạy.

Đặc điểm kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân

Đặc điểm kiểu bài	<i>Bài học đường đời đầu tiên</i>
Dùng ngôi thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm của bản thân, thể hiện cảm xúc trước sự việc	
Sắp xếp các sự kiện theo trình tự hợp lí	
Kết hợp kể và tả, thể hiện cảm xúc đối với sự kiện	
Rút ra bài học kinh nghiệm về câu chuyện đã trải qua	

3. Phân tích kiểu văn bản

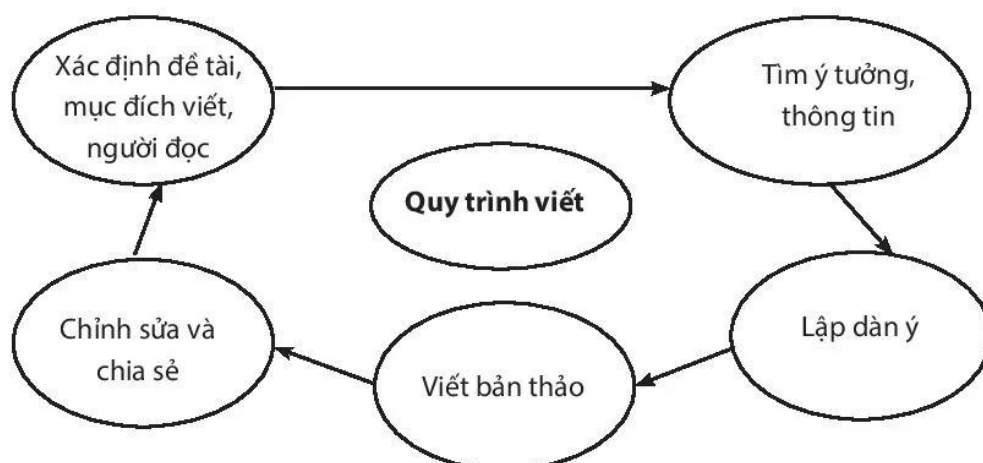
GV cho HS lần lượt đọc, quan sát kĩ những dấu hiệu trên từng đoạn VB (được thể hiện bằng các con số), dừng lại sau mỗi đoạn để nhận ra đặc điểm của kiểu VB.

Sau đó, cho HS thảo luận, trả lời các câu hỏi sau VB mẫu để tiếp tục hiểu rõ đặc điểm của kiểu bài *Kể lại một trải nghiệm của bản thân*.

4. Viết theo quy trình

GV nên giao cho HS đề bài trước khi viết 1 hoặc 2 tuần, để HS có thời gian suy nghĩ, nhớ lại những gì mình đã trải nghiệm, đồng thời GV hướng dẫn HS ghi chép ý tưởng, cảm xúc, sự kiện, ... vào một cuốn sổ tay hoặc phiếu ghi chép, ví dụ: Phiếu ghi chép *Trải nghiệm của tôi*. Sau đó, HS đem những ghi chép của mình đến lớp.

Đến lớp, đầu tiên GV có thể dùng sơ đồ sau để giới thiệu quy trình viết và giải thích cho HS hiểu ý nghĩa của từng bước trong quy trình:



Sau đó, GV chọn một trải nghiệm mà bản thân đã trải qua và làm mẫu từng bước tạo lập VB bằng cách nói to những suy nghĩ của mình, đồng thời viết những suy nghĩ đó lên bảng đen hoặc bảng phụ để HS có thể “quan sát” được những câu hỏi, cảm xúc, do dự, ... mà một người viết thường thực hiện trong quá trình tạo lập VB. Trong quá trình làm mẫu, GV có thể nói những câu như:

Trước khi các em học cách viết bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân, thầy/cô sẽ làm mẫu cách viết kiểu bài này, các em hãy quan sát cách thầy/cô làm để rút ra kinh nghiệm cho bản thân khi viết.

– Thầy/Cô sẽ kể về một trải nghiệm mà cô đã trải qua (viết tên câu chuyện định kể trên bảng).

– Thầy/Cô muốn kể câu chuyện này cho các em nghe, để chia sẻ với các em những gì thầy/cô đã trải qua.

– Để kể câu chuyện này, thầy/cô sẽ tìm thông tin, ý tưởng từ ...

– Các sự kiện đã xảy ra gồm ... (ghi các thông tin lên bảng).

– Giờ thì cô sắp xếp các sự kiện đó thành một dàn ý (ghi dàn ý lên bảng):

+ Để giới thiệu câu chuyện này, cô sẽ viết ...

+ Thân bài gồm các ý ...

+ Kết bài: bài học cô học được từ trải nghiệm này là ...

– Dựa trên dàn ý này, cô sẽ viết bản nháp ...

Sau khi làm mẫu cách viết xong, GV cho đề tài và hướng dẫn HS thực hiện từng bước quy trình viết với đề tài đã cho.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu)

Trình bày mô hình sau trên bảng phụ, tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi về những câu hỏi sau:

Đề tài

Xác định nội dung, cách thức giao tiếp:

- Tôi muốn viết về cái gì hoặc nội dung mà đề tài yêu cầu là gì?
- Phạm vi đề tài của bài viết này là gì?
- Kiểu loại là gì: nghị luận, tả cảnh, kể chuyện,...?

Mục đích viết

Xác định mục đích giao tiếp:

- Viết để thông báo thông tin?
- Viết để thuyết phục người khác?
- Viết để miêu tả sự việc, hiện tượng?
- Viết để kể một câu chuyện bản thân đã trải qua?
- ...

Người đọc

Xác định đối tượng giao tiếp:

- Người đọc của tôi có thể là ai?
- Họ đã biết gì về vấn đề tôi định viết?
- Điều gì có thể làm họ hứng thú? Họ muốn biết thêm những gì?

- Yêu cầu của đề tài là gì? *hoặc* Tôi muốn viết gì về đề tài này (trong trường hợp HS tự xác định đề tài)?

- Tôi viết nhằm mục đích gì?

- Người đọc của tôi có thể là ai? Họ muốn biết gì về vấn đề này?

Tiếp theo, GV yêu cầu một vài HS trình bày những gì đã viết.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Viết là hoạt động cá nhân, mỗi HS có những kỉ niệm, câu chuyện riêng. Vì thế, trong bước này, GV hướng dẫn mỗi HS dựa vào Phiếu ghi chép đã chuẩn bị ở nhà, phác thảo ý tưởng cho bài viết dựa trên các gợi ý trong SGK (tr. 33).

Phiếu ghi chép: Câu chuyện về trải nghiệm của tôi

Tôi muốn kể câu chuyện gì? Kể cho ai nghe?

.....

Chuyện xảy ra ở đâu, khi nào?

.....

Những sự kiện gì mà tôi còn nhớ?

.....

Cảm xúc, suy nghĩ của tôi lúc đó thế nào?

.....

Sự việc đã xảy ra có ý nghĩa gì với tôi?

.....

GV có thể sử dụng cách khác để khuyến khích HS nảy sinh ý tưởng bằng cách viết ra bất cứ từ, cụm từ nào nảy sinh trong đầu, liên quan đến trải nghiệm muốn kể. Ví dụ:

- Đá bóng.
- Giấu quần áo vào cặp; bị mẹ phát hiện; nói dối.
- Về nhà lúc 6h tối, tiếp tục nói dối
- Thầy giáo gọi điện; sợ hãi.
- ...

Sau đó, GV có thể mời một số HS chia sẻ những ý tưởng đã phác thảo về câu chuyện.

Để hướng dẫn HS lập dàn ý, GV tổ chức cho HS sắp xếp, thể hiện ý tưởng thành dàn bài (có thể dùng sơ đồ tư duy, sơ đồ chuỗi, 5W1H,...):



Sau khi HS lập xong dàn ý, GV cho HS chia sẻ trong nhóm đôi để HS góp ý cho nhau.

Bước 3: Viết bài

Cho HS viết tại lớp hoặc ở nhà tùy vào việc phân bổ thời gian cho hoạt động viết.

Bước 5: Chỉnh sửa và chia sẻ

Bước này có thể thực hiện qua hai hoạt động:

- Hướng dẫn HS dùng *Bảng kiểm bài viết kể lại một trải nghiệm của bản thân và Cách kiểm tra và điều chỉnh bài viết* để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân (thực hiện ở nhà hoặc trên lớp), nên dùng bút khác màu để tự điều chỉnh.

– Tổ chức cho 2 HS trao đổi bài, tiếp tục dùng bảng kiểm để góp ý cho nhau. Khuyến khích HS về nhà tiếp tục điều chỉnh bài viết.

– Cuối cùng, cho HS thảo luận, trình bày những gì đã học được từ quá trình viết của bản thân và từ những gì học hỏi được từ bạn về cách kể lại trải nghiệm của bản thân.

NÓI và NGHE

1. Mục tiêu dạy học

Kể được một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

2. Thực hành nói và nghe

GV giới thiệu ngắn gọn cho HS hiểu tầm quan trọng của việc kể chuyện trong cuộc sống. Sau đó, dùng kĩ thuật KWL để yêu cầu HS: liệt kê vào cột K các yêu cầu cần có của một bài kể về trải nghiệm (ví dụ: dùng tính từ để miêu tả,...) và cách thức để thực hiện một bài nói dạng kể chuyện sao cho thu hút người nghe; điền vào cột W những gì các em muốn biết về cách kể một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân. Trên cơ sở đó, GV giới thiệu mục tiêu của bài học nói và nghe.

GV gợi nhắc HS về quy trình thực hiện một bài nói trên lớp từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc để HS hình dung về quy trình thực hiện (có thể yêu cầu HS vẽ sơ đồ quy trình).

Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói

Đây là bước hướng dẫn HS xác định các nhân tố quan trọng để chuẩn bị cho bài nói. GV có thể chuyển sơ đồ 5WH (what, who, why, where, when) thành phiếu học tập để hướng dẫn HS chuẩn bị cho bài nói bằng cách trả lời những câu hỏi sau:

– Mục đích nói (WHY): Em kể về trải nghiệm đáng nhớ của mình nhằm mục đích gì?

– Người nghe (WHO): Người nghe của em là ai? Họ muốn nghe những gì về trải nghiệm của em? Họ có quan niệm như thế nào khi nghe về những trải nghiệm của người khác?... (Với câu hỏi này, GV có thể gợi ý cho HS phỏng vấn/ hỏi bạn cùng lớp, cùng nhóm,...)

– Đề tài nói (WHAT): Nội dung mà bài nói này yêu cầu là gì? (GV nhắc HS: bài nói dựa vào bài viết nên đề tài của bài nói sẽ được xác định theo bài viết.).

– Không gian nói (WHERE): Em sẽ nói ở đâu? Trong lớp học hay trong hội trường? Địa điểm trang trọng hay không? Có ai khác cùng trình bày với em không? Địa điểm đó có các phương tiện như micro, màn chiếu, loa,... hay không?

– Thời gian nói (WHEN): Em có bao nhiêu phút để trình bày bài nói của mình? Với dung lượng thời gian như vậy tôi nên nói những gì?

GV nên yêu cầu HS mô tả ngắn gọn thông tin về những yếu tố liên quan đến việc chuẩn bị cho bài nói, nhắc nhở HS đây là thao tác cần thiết trước khi bắt tay vào việc chuẩn bị một bài nói. Những thông tin ấy càng cụ thể bao nhiêu thì việc chuẩn bị càng

tốt bấy nhiêu. Sau khi HS hoàn thành phiếu học tập đó, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi theo hình thức cặp đôi để các em học hỏi lẫn nhau cách thức xác định các yếu tố ấy.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

Trong bước này, GV có thể dùng hệ thống câu hỏi sau để gợi ý cho HS:

– Ở phần Viết, các em đã được học về kiểu bài kể lại một trải nghiệm của bản thân. Dựa trên cơ sở đó, em hãy hình dung một bài nói kể về một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân cần những thông tin cơ bản nào?

– Với bài viết, người đọc có thể đọc đi đọc lại bài viết để hiểu rõ hơn những đoạn chưa hiểu hoặc có thể dùng lại để hình dung, tưởng tượng về những điều được người viết mô tả. Tuy nhiên với một bài nói, người nghe sẽ không thể thực hiện những điều trên. Vậy để giúp người nghe hiểu rõ những gì được trình bày thì bên cạnh lời nói, người nói nên sử dụng thêm công cụ gì để hỗ trợ người nghe?

Trên cơ sở đó, GV hướng dẫn HS:

- Đọc lại bài văn đã viết.
- Xác định các ý sẽ nói.
- Liệt kê các ý sẽ trình bày bằng cách gạch đầu dòng, diễn đạt bằng những từ/ cụm từ ngắn gọn trên những mảnh giấy ghi chép nhỏ (dạng giấy ghi chú).
- Trao đổi dàn ý với bạn trong nhóm để hoàn thiện hơn.
- Cần nhắc việc có nên sử dụng hình ảnh để minh họa cho bài nói hay không, nếu HS đã lưu lại những hình ảnh liên quan đến câu chuyện mà HS muốn chia sẻ.

Bước 3: Luyện tập và trình bày

Trước khi HS luyện tập trình bày bài nói, GV có thể sử dụng trò chơi để kích hoạt kiến thức nền của HS về các kĩ thuật trình bày để làm cho bài nói trở nên hấp dẫn, thú vị. Ví dụ: GV có thể dùng kĩ thuật công não để yêu cầu mỗi nhóm HS lần lượt trong thời gian 30 giây nêu ít nhất một cách thức để làm cho bài nói trở nên hấp dẫn, thú vị hơn; nhóm nào đến giây cuối cùng vẫn nêu được ý tưởng không trùng lặp với ý trước đó thì là nhóm thắng cuộc. GV liệt kê nhanh các ý tưởng của HS lên bảng phụ để giúp HS ghi nhớ. Mục đích của hoạt động này là nhắc nhở HS về tầm quan trọng của việc sử dụng kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ và ngôn ngữ khi trình bày bài nói.

Yêu cầu HS đọc SGK để tìm hiểu cách thức trình bày một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân sao cho hấp dẫn và nêu câu hỏi cho GV nếu có.

Tổ chức cho HS luyện tập theo cặp đôi để tăng cho HS cơ hội được trình bày bài nói của mình. Nhắc HS nhìn vào bảng kiểm trong SGK để tăng hiệu quả của luyện tập và trình bày.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá

Yêu cầu 2 HS đóng vai người nghe và người nói. Hướng dẫn HS đóng vai trò người nghe dùng kĩ thuật 321 để nghe và ghi lại ít nhất 3 ưu điểm về bài nói của bạn, 2 điểm còn hạn chế và 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh để bài nói của bạn trở nên hấp dẫn hơn. Tiếp theo, hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài nói của mình hoặc đánh giá bài nói của bạn.

Trong quá trình HS luyện tập, GV quan sát, lắng nghe và góp ý cho bài trình bày của các em.

ÔN TẬP

Trước khi ôn tập, GV cần hướng dẫn HS tự đọc ở nhà VB *Cô Gió mất tên* và hoàn thành bài tập về nhận biết thể loại đồng thoại và các bài tập khác trong mục *Ôn tập*. Trong lớp học, GV nên dành 1 tiết để HS chia sẻ kết quả đọc mở rộng theo thể loại và các bài tập đã làm trong mục *Ôn tập*. Trong giờ *Ôn tập*, GV có thể sử dụng phương pháp trò chơi, dạy học hợp tác, kĩ thuật mảnh ghép, ... để tổ chức hoạt động học.

GV nên nhắc HS nhớ lại câu hỏi lớn nêu ở đầu bài học và cho HS vài phút suy ngẫm, viết vài dòng những suy nghĩ của mình về ý nghĩa của những trải nghiệm đối với cuộc sống của HS. Sau đó, có thể mời một vài HS trình bày trước lớp để chia sẻ. Hoạt động này giúp cả lớp hiểu bạn mình hơn.